

Bản án số: 26/2025/DS-ST

Ngày: 18-4-2025

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Trường Hận.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phan Quốc Hùng.

2. Bà Phạm Thanh Tuyền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Trúc Thu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Phạm Hoàng Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 4 năm 2025 tại Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 256/2024/TLST-DS ngày 28/10/2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định hoãn phiên tòa số 63/2025/QĐST-DS ngày 31/3/2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị S, sinh năm 1985; địa chỉ: ấp M, xã V, huyện A, tỉnh Kiên Giang. *Có mặt.*

2. *Bị đơn:* Chị Huỳnh Tố Q, sinh năm 1987 và anh Lâm Văn H, sinh năm 1985; cùng địa chỉ: ấp M, xã V, huyện A, tỉnh Kiên Giang. *Anh H có mặt, chị Q có đơn xin vắng mặt.*

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1984; địa chỉ: ấp M, xã V, huyện A, tỉnh Kiên Giang. *Vắng mặt lần 02 không lý do.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1]- Theo đơn khởi kiện nguyên đơn trình bày: Chị S và vợ chồng chị Q, anh H là người cùng xóm với nhau nên vào ngày 08/9/2022 chị Q có hỏi vay số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) để xoay sở trong gia đình. Đến ngày 17/11/2022 chị Q tiếp tục hỏi vay thêm 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng). Hai bên thỏa thuận tiền lãi hàng tháng trả một lần là 2.000.000 đồng. Tổng cộng tiền gốc 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng) chị Q hứa trong năm trả lại tiền gốc. Việc thỏa thuận này chị Q có viết biên nhận nợ. Đến thời hạn chị Q không trả tiền gốc theo thỏa thuận, chị Q hứa sẽ đóng lãi hàng tháng. Từ đó đến nay chị Q có trả lãi đến tháng 06/2023 thì ngưng không trả nữa. Nay yêu cầu chị Q và anh H trả lại số tiền gốc 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng), không yêu cầu tiền lãi.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị S trình bày: Năm 2022 chị Q có vay 02 lần số tiền 40.000.000 đồng, lãi mỗi tháng 4.000.000 đồng, đóng lãi tới tháng 6/2023 thì ngưng. Chị S, chị N và chị Q có thỏa thuận khấu trừ tiền vay và tiền hui với nhau, chỉ thỏa thuận qua điện thoại, chị N không có làm biên nhận gì cho chị S; chị N chỉ thực hiện được một hai tháng thì không thực hiện nữa nên chị S phải đòi chị Q và anh H. Nay vẫn giữ nguyên yêu cầu.

[2]- Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn là anh H trình bày: Chị Trần Thị S có cho chị T Q vay số tiền là 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng), lấy lãi hàng tháng là 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng), lãi đóng hàng tháng. Việc vay tiền này anh H không biết, sau này mới nghe nói lại. Nhưng số tiền này đã thỏa thuận cản trừ nợ với chị N. Chị N không trả tiền cho chị S, chị S làm đơn kiện anh H, chị Q là không đúng. Số tiền nợ này đã thỏa thuận trừ tiền với chị N xong nên không thống nhất yêu cầu của chị S.

[3]- Chị Q có đơn xin vắng mặt nên không có lời trình bày tại phiên tòa.

[4]- Chị N vắng mặt nên không có lời trình bày tại phiên tòa.

[5]- Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình khi tham gia tố tụng và chấp hành nội quy phiên

tòa. Đề nghị không chấp nhận yêu cầu của chị S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị S và chị Q có hợp đồng vay tài sản, nay có tranh chấp chị S yêu cầu Tòa án giải quyết nên xác định quan hệ pháp luật là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã giải thích các trường hợp được trợ giúp pháp lý miễn phí, nhưng các đương sự đều xác định không thuộc đối tượng được trợ giúp pháp lý miễn phí.

Chị Q có đơn xin vắng mặt phiên tòa nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị Q.

Khi hòa giải chị N có đơn yêu cầu giải quyết vụ án vắng mặt với lý do đi họp kiểm điểm cuối năm. Khi xét xử chị N không có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Như vậy, theo đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nội dung chỉ thể hiện xin vắng mặt trong ngày hòa giải, không nói rõ vắng mặt cả khi xét xử, nên khi xét xử Tòa án đã thông báo cho chị N, nhưng chị N vắng mặt hai lần không lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị N.

[2] Chị S yêu cầu anh H, chị Q trả số tiền vay 40.000.000 đồng. Chị Q và anh H thừa nhận năm 2022 chị Q có vay của chị S số tiền 40.000.000 đồng. Nhưng chị Q và chị S, chị N thỏa thuận khấu trừ tiền với nhau. Do đó, anh H và chị Q không thống nhất yêu cầu của chị S.

Thấy rằng: Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 28/02/2025, chị S có trình bày: Chị N là em chồng chị S, có kêu cần trừ nợ với chị Q, nhưng một hai tháng sau chị N nói không cần trừ nữa, phần chị Q nợ thì kiếm chị Q đòi, chị N không dính gì đến nữa.

Tài liệu, chứng cứ anh H cung cấp là tin nhắn qua zalo giữa chị S và chị Q, Hội đồng xét xử đã trình chiếu các tin nhắn lên màn hình tivi cho chị S xem tại phiên tòa và chị S thừa nhận là tin nhắn của chị S và chị Q nhắn với nhau. Nội dung tin nhắn cũng thể hiện giữa chị S, chị N và chị Q có cần trừ nợ với nhau.

Tại phiên tòa, chị S thừa nhận giữa chị S, chị N và chị Q có thỏa thuận cầm trả nợ, nhưng 03 người không gặp trực tiếp thỏa thuận mà chỉ thông qua điện thoại. Chị S thừa nhận có cầm trả nợ với chị N xong, nhưng chị N chỉ đóng được 1-2 lần thì ngưng không đóng nữa, chị N nói gặp chị Q đòi làm gì làm, còn giữa chị N và chị S không có biên nhận hay vay tiền, chị S không thể khởi kiện hay yêu cầu gì đối với chị N nên chị S phải đòi chị Q và anh H.

[3] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy rằng các bên đã thỏa thuận cầm trả nợ xong, nghĩa vụ đã được chuyển giao. Theo quy định tại khoản 2 Điều 370 của Bộ luật Dân sự: khi chuyển giao nghĩa vụ thì người thế nghĩa vụ trở thành bên có nghĩa vụ. Như vậy, nếu chị N vi phạm nghĩa vụ thì chị S có quyền khởi kiện chị N. Còn chị N đã trả cho chị S được bao nhiêu, trả như thế nào các bên tự thỏa thuận, không thỏa thuận được đương sự có quyền khởi kiện và các bên có nghĩa vụ chứng minh cho yêu cầu và lời trình bày của mình.

Chị S cho vay lãi suất vượt mức quy định, nhưng đương sự không yêu cầu xem xét lại số tiền lãi đã đóng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 6, 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Yêu cầu của chị S không được chấp nhận nên chị S phải chịu án phí theo quy định là $40.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 2.000.000 \text{ đồng}$.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 92, 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 370, 372, 463 của Bộ luật Dân sự; Điều 6, 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1- Không chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị S đối với chị Huỳnh Tố Q và anh Lâm Văn H về việc yêu cầu trả số tiền vay 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng).

2- Án phí sơ thẩm:

Buộc chị Trần Thị S chịu án phí là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005175 ngày 18/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang. Chị S phải nộp thêm 1.000.000 đồng (Một triệu đồng).

3- Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Minh;
- Chi cục THADS huyện An Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Trường Hận